

Số: 36 /NQ-HĐND

Thành phố Lai Châu, ngày 22 tháng 10 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU
KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 41/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 14/10/2021 của HĐND tỉnh Lai Châu về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 20/5/2020 của UBND tỉnh về phê duyệt đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung thành phố Lai Châu và vùng phụ cận đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh về phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu;

Sau khi xem xét Báo cáo số 3352/BC-UBND ngày 18/10/2021 của UBND thành phố Lai Châu về tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Tờ trình số 3355/TTr-UBND ngày 18/10/2021 của UBND thành phố về dự thảo Nghị quyết kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra số 30/BC-HĐND ngày 21/10/2021 của Ban Kinh tế - xã hội



HĐND thành phố và ý kiến của các Đại biểu HĐND thành phố Lai Châu tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 với các nội dung sau:

1. Nguyên tắc phân bổ

(1). Việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn nhằm thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Lai Châu lần thứ IV; Quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, quy hoạch xây dựng thành phố Lai Châu; Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm, giai đoạn 2021-2025 và các Chương trình, Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư công.

(2). Việc phân bổ vốn phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước; các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 do cấp có thẩm quyền quyết định.

(3). Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 để xác định nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 phù hợp với các mục tiêu phân bổ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025; chủ động sắp xếp thứ tự các nhiệm vụ chi ưu tiên, các chương trình, dự án quan trọng, có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

(4). Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn đầu tư phát triển; nâng cao hiệu quả quản lý vốn đầu tư; tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

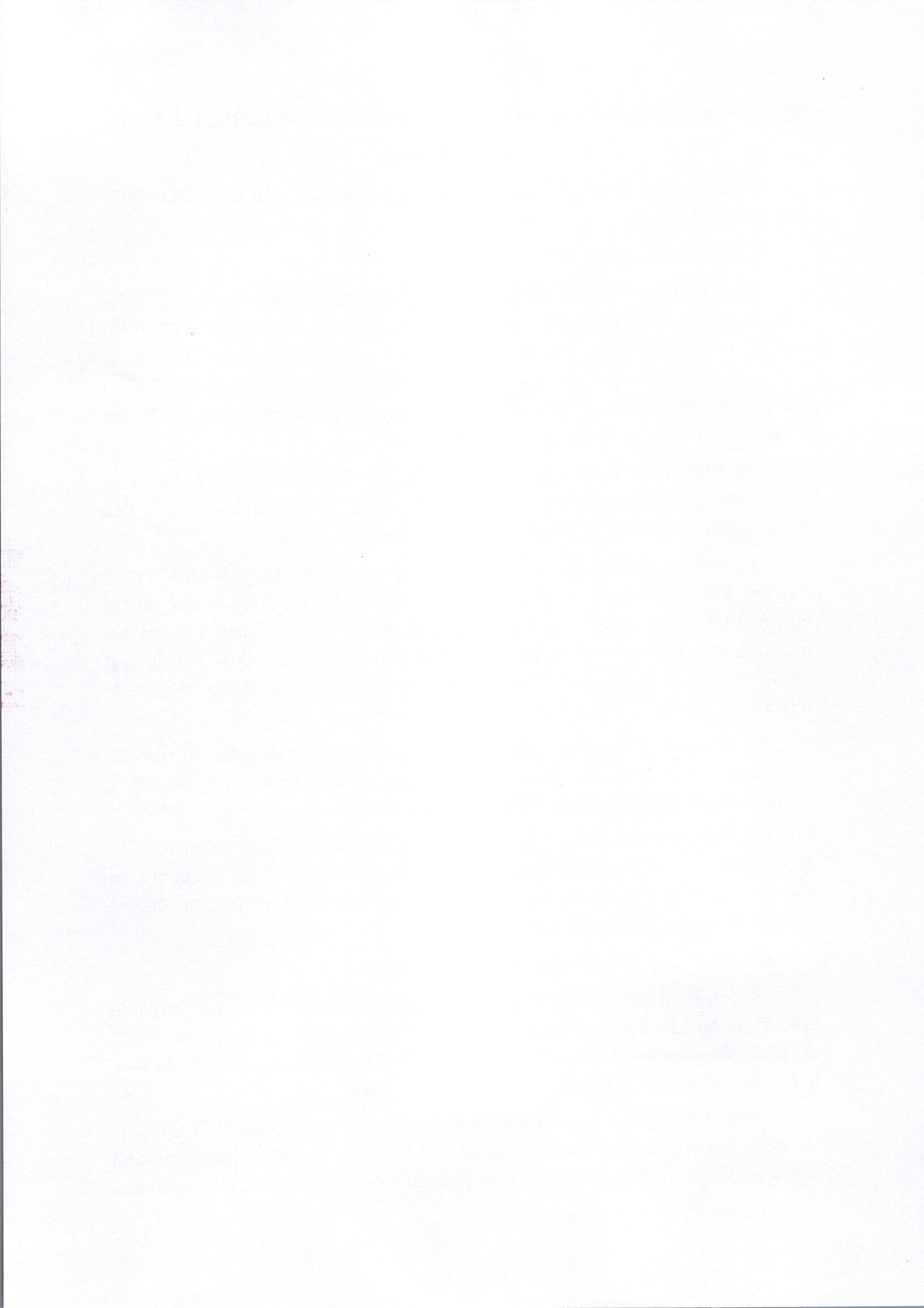
(5). Phân bổ vốn đầu tư tập trung; không phân tán, dàn trải; bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Chỉ giao kế hoạch vốn đối với các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.

(6). Thứ tự ưu tiên và mức bố trí vốn như sau:

- Trong từng lĩnh vực bố trí vốn cho các dự án theo thứ tự ưu tiên bố trí đủ vốn để trả nợ xây dựng cơ bản; các dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch.

- Phân bổ vốn cho các công trình khởi công mới giai đoạn 2021-2025 để tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh trên địa bàn thành phố và đáp ứng theo yêu cầu quy định của Luật Đầu tư công.

- Mức vốn bố trí cho từng dự án:



+ Đối với các dự án hoàn thành giai đoạn 2016-2020; dự án chuyển tiếp hoàn thành giai đoạn 2021-2025, bố trí vốn bằng tổng nhu cầu vốn còn lại của các công trình nhưng không vượt quá tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Đối với các công trình khởi công mới bố trí 100% nhu cầu vốn.

2. Danh mục và phương án phân bổ

Tổng huy động vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025 là 506.138 triệu đồng. Bố trí kế hoạch vốn cho 16 dự án hoàn thành giai đoạn 2016-2020 và dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025 là 112.848 triệu đồng; 19 dự án khởi công mới là 391.250 triệu đồng; dự phòng kế hoạch vốn là 2.040 triệu đồng. Cụ thể như sau:

(1). Nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý: Kế hoạch vốn 152.534 triệu đồng. Trong đó:

- Nguồn ngân sách trung ương: 100.000 triệu đồng. Bố trí cho 01 dự án khởi công mới.

- Nguồn vốn ngân sách tỉnh: 52.534 triệu đồng.

+ Bố trí kế hoạch vốn cho 07 dự án hoàn thành giai đoạn 2016-2020: 1.564 triệu đồng;

+ Bố trí kế hoạch vốn cho 03 dự án chuyển tiếp giai đoạn 2021-2025: 50.970 triệu đồng;

(2). Nguồn vốn ngân sách thành phố quản lý: Kế hoạch vốn 353.604 triệu đồng. Trong đó:

- Nguồn thu sử dụng đất và các nguồn vốn hợp pháp khác: Kế hoạch vốn 250.000 triệu đồng:

+ Bố trí kế hoạch vốn cho 02 dự án hoàn thành giai đoạn 2016-2020: 861 triệu đồng.

+ Bố trí kế hoạch vốn cho 04 dự án chuyển tiếp giai đoạn 2021-2025 và 01 dự án lồng ghép vốn: 44.851 triệu đồng.

+ Bố trí kế hoạch vốn cho 08 dự án khởi công mới và 01 dự án lồng ghép vốn: 202.248 triệu đồng.

+ Dự phòng nguồn thu sử dụng đất dành cho các công trình thiếu vốn sau quyết toán và một số nhiệm vụ trọng tâm khác: 2.040 triệu đồng.

- Nguồn xây dựng cơ bản tập trung và các nguồn vốn hợp pháp khác: Kế hoạch vốn 102.954 triệu đồng, bố trí cho 10 dự án khởi công mới, 02 dự án lồng ghép vốn.

- Nguồn thu số xổ kiến thiết thực hiện nhiệm vụ thuộc CTMTQG XDNTM: Kế hoạch vốn 650 triệu đồng, bố trí lồng ghép vốn 01 dự án.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân Thành phố giao

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được HĐND thành phố Lai Châu khóa IV, kỳ họp thứ ba, thông qua ngày 22 tháng 10 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND, UBND Tỉnh;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN thành phố;
- Các Ban HĐND thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang Thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Giảng Thị Xoa



BIỂU TỔNG HỢP NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm Nghị quyết số: 36 /NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 của HĐND thành phố Lai Châu)

ĐVT: Triệu đồng

Phụ lục I

STT	Nguồn vốn	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Nhu cầu vốn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
					Tổng	Trong đó: NSNN	
1	2	3	4	5	6	7	8
A	Sắp xếp theo nguồn vốn	35	859.366	506.138	506.138	506.138	
I	Nguồn vốn tỉnh quản lý	11	452.146	152.534	152.534	152.534	
1	Nguồn ngân sách trung ương	1	100.000	100.000	100.000	100.000	
2	Nguồn vốn NS tỉnh	10	352.146	52.534	52.534	52.534	
II	Nguồn vốn thành phố quản lý	24	407.220	353.604	353.604	353.604	
1	Nguồn thu sử dụng đất và các nguồn vốn hợp pháp khác	14	319.020	250.000	250.000	250.000	
2	Nguồn xây dựng cơ bản tập trung và các nguồn vốn hợp pháp khác	10	88.200	102.954	102.954	102.954	
3	Nguồn thu xổ số kiến thiết thực hiện nhiệm vụ thuộc CTMTQG XDNTM			650	650	650	
B	Phân bổ theo công trình	35	859.366	506.138	506.138	506.138	
1	Công trình chuyển tiếp giai đoạn 2021-2025	16	452.216	112.848	112.848	112.848	
-	Nguồn vốn tỉnh quản lý	10	352.146	52.534	52.534	52.534	
-	Nguồn vốn thành phố quản lý	6	100.070	60.314	60.314	60.314	
+	<i>Nguồn thu sử dụng đất và các nguồn vốn hợp pháp khác</i>		<i>100.070</i>	<i>45.712</i>	<i>45.712</i>	<i>45.712</i>	

Leang

STT	Nguồn vốn	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Nhu cầu vốn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
					Tổng	Trong đó: NSNN		
+	Nguồn xây dựng cơ bản tập trung và các nguồn vốn hợp pháp khác		0	14.602	14.602	14.602		
2	Công trình khởi công mới giai đoạn 2021-2025	19	407.150	391.250	391.250	391.250		
-	Nguồn vốn tinh quản lý	1	100.000	100.000	100.000	100.000		
-	Nguồn vốn thành phố quản lý		307.150	291.250	291.250	291.250		
+	Nguồn thu sử dụng đất và các nguồn vốn hợp pháp khác	8	218.950	202.248	202.248	202.248		
+	Nguồn xây dựng cơ bản tập trung và các nguồn vốn hợp pháp khác	10	88.200	88.352	88.352	88.352		
+	Nguồn thu xổ số kiến thiết thực hiện nhiệm vụ thuộc CTMTQG XDNTM			650	650	650		
3	Dự phòng nguồn thu sử dụng đất dành cho các công trình còn thiếu vốn sau quyết toán			2.040	2.040	2.040		

leahng

DANH MỤC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2016-2020, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Phụ lục II

(Kèm Nghị quyết số: 36 /NQ-HĐND ngày 22 tháng 10 năm 2021 của HĐND thành phố Lai Châu)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục công trình dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lấy kế hoạch vốn đã bố trí đến hết năm 2020	Lấy kế KLLHT từ khởi công đến thời điểm báo cáo	Nhu cầu vốn còn lại sau năm 2020	Giai đoạn 2021-2025				Ghi chú
				Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư (sau điều chỉnh nếu có)				Nhu cầu đầu tư 5 năm giai đoạn 2021-2025				
									Tổng số	Trong đó NSDP	Tổng số	Trong đó NSDP	
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	13	14	15
TỔNG (A+B)					452.216	317.110	277.801	112.848	112.848	112.848	112.848	112.848	112.848
NGUỒN VỐN TÍNH QUẢN LÝ					352.146	226.613	235.349	52.534	52.534	52.534	52.534	52.534	52.534
I	Các công trình đã phê duyệt quyết toán				147.646	102.833	103.748	1.564	1.564	1.564	1.564	1.564	1.564
1	San gạt mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 3 (lô 2, lô 3) thành phố Lai Châu	TP. Lai Châu	2011-2014	363-17.3.2011	46.171	46.036	45.788	1.643	1.643	1.643	1.643	1.643	1.643
2	Mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 7, thành phố Lai Châu	TP. Lai Châu	2010-2014	1404-29/10.2011; 641-13.6.2013	21.500	19.500	20.325	892,264	892,264	892,264	892,264	892,264	892,264
3	Trường MN Quyết Thắng 2, giai đoạn II	TP. Lai Châu	2015-2017	1356-28.10.2014	9.500	9.365	9.404	39,196	39,196	39,196	39,196	39,196	39,196
4	Hệ thống thoát nước khu dân cư số 5 ra suối Năm Con Gìn	TP. Lai Châu	2011-2013	1657-9.12.2010; 553-30.5.2012	19.030	18.825	18.825	37,285	37,285	37,285	37,285	37,285	37,285
5	Nhà BGH và nhà đa năng trường THCS Đoàn Kết	P. Đoàn Kết			7.176	7.107	7.137	59,317	59,317	59,317	59,317	59,317	59,317
6	Cải tạo ao cá Bắc Hồ	P. Tân Phong			42.000			265	265	265	265	265	265
7	Kinh phí GPMB thực hiện dự án xử lý điểm đen tại Km 38+500/QL4D tỉnh Lai Châu	TP. Lai Châu	2017-2018	1129-31.8.2020	2.269	2.000	2.269	269	269	269	269	269	269
II	Các dự án chuyên tiếp hoàn thành sang giai đoạn 2021-2025				204.500	123.780	131.601	50.970	50.970	50.970	50.970	50.970	50.970
8	Hệ thống thoát nước thành phố Lai Châu	TP. Lai Châu	2017-2021	Số: 135-31/10/2016	70.000	44.780	49.686	25.220	25.220	25.220	25.220	25.220	25.220
9	Khu làm viên thành phố Lai Châu	TP. Lai Châu	2018-2022	1649-26/12/2017	120.000	71.000	71.000	19.250	19.250	19.250	19.250	19.250	19.250

Handwritten signature

STT	Danh mục công trình dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lấy kế hoạch vốn đã bố trí đến hết năm 2020	Lấy kế KINH TỪ KHỞI CÔNG đến thời điểm báo cáo	Nhu cầu vốn còn lại sau năm 2020	Giải đoạn 2021-2025				Ghi chú	
				Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư (sau điều chỉnh nếu có)				Nhìn câu đầu tư 5 năm giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				
				Tổng số	Trong đó NSDP	Tổng số	Trong đó NSDP	Tổng số	Trong đó NSDP	Tổng số	Trong đó NSDP			
10	Đường nối các khu dân cư với vùng sản xuất, thành phố Lai Châu (Tuyến số 1, tuyến số 3 và nối tuyến QLAD đến nhà máy gạch (tuyeren cũ))	TP Lai Châu	2016-2021	Số: 56-31/3/2016	14.500	8.000	10.915	6.500	6.500	6.500	6.500	6.500	6.500	
B	NGUỒN VỐN THÀNH PHỐ QUẢN LÝ				100.070	90.497	42.452	60.314	60.314	60.314	60.314	60.314	60.314	
I	Nguồn thu sử dụng đất và các nguồn vốn hợp pháp khác				100.070	87.366	42.452	45.712	45.712	45.712	45.712	45.712	45.712	
*	Các dự án hoàn thành giai đoạn 2016-2020				14.551	13.844	14.518	861	861	861	861	861	861	
1	Mở rộng nâng cấp chợ trung tâm thành phố (kính phi bởi thường)	P. Đoàn Kết	2017-2020		3.651	3.000	3.646	651	651	651	651	651	651	
2	Cải tạo đường Thanh Niên	P. Tân Phong	2018-2020		10.900	10.844	10.872	210	210	210	210	210	210	
*	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sang giai đoạn 2021-2025				85.519	73.522	27.934	44.851	44.851	44.851	44.851	44.851	44.851	
3	Trụ sở phường Đoàn Kết	P. Đoàn Kết	2020-2021		12.500	7.300	6.050	5.200	5.200	5.200	5.200	5.200	5.200	
4	Đường Đinh Bộ Lĩnh	TP. Lai Châu	2017-2021		31.619	18.424	9.743	10.033	10.033	10.033	10.033	10.033	10.033	
5	Trường tiểu học Đoàn Kết	P. Đoàn Kết	2020-2022		35.000	6.869	6.790	10.398	10.398	10.398	10.398	10.398	10.398	
A.III-9	Khu làm viên thành phố Lai Châu	TP. Lai Châu	2018-2022		36.000			17.750	17.750	17.750	17.750	17.750	17.750	
6	Đường 17 kéo dài	TP. Lai Châu	2016-2021	2145a-28.10.2015	6.400	4.929	5.351	1.470	1.470	1.470	1.470	1.470	1.470	
III	Nguồn xây dựng cơ bản tập trung và các nguồn vốn hợp pháp khác				0	3.131	0	14.602	14.602	14.602	14.602	14.602	14.602	
-	Trường tiểu học Đoàn Kết	P. Đoàn Kết	2020-2022		1234-28.9.2020	3.131		14.602	14.602	14.602	14.602	14.602	14.602	

Handwritten signature

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 (CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI)

(Kèm Nghị quyết số: 36 /NQ-HĐND ngày 13 tháng 10 năm 2021 của HĐND thành phố Lai Châu)

Phụ lục III

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên mục công trình dự án	Dự án nhóm	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư công trình hạn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
							Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
1	2	3	4	5	6	7	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG (A+B)					407.150	393.290	100.000	293.290	
A	NGUỒN VỐN TỈNH QUẢN LÝ					100.000	100.000	100.000	-	
	Nguồn ngân sách trung ương					100.000	100.000	100.000	-	
I	Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu	B	TP Lai Châu	2021-2024	NQ số 49/NQ-HĐND ngày 13/12/2020	100.000	100.000	100.000		
B	NGUỒN VỐN THÀNH PHỐ QUẢN LÝ					307.150	293.290		293.290	
I	Nguồn thu sử dụng đất và các nguồn vốn hợp pháp khác					218.950	204.288	-	204.288	
*	<i>Lĩnh vực giao thông thủy lợi, HTKT</i>					202.450	188.450	-	188.450	
1	Kênh thoát lợi Cư Nhà La đến ngã ba Nông trường	C	TP Lai Châu	2021-2022	NQ 135/NQ-HĐND ngày 16.12.2020	5.600	5.600		5.600	
2	Kênh thoát nước tại trung tâm bản Lùng Than, xã San Thàng	C	X. Sùng Phái	2021-2022	NQ 135/NQ-HĐND ngày 16.12.2020	4.850	4.850		4.850	
3	Tuyến đường từ QL4D đến bản Tả Chải - Trung Chải, xã Sùng Phái	C	TP Lai Châu	2021-2023	NQ 135/NQ-HĐND ngày 16.12.2020	38.000	38.000		38.000	

Leah-B

STT	Danh mục công trình dự án	Dự án nhóm	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư công trình hạn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
							Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
4	Tuyến đường và mặt bằng đô thị đường nối từ Tru số UBND phường Đoàn Kết mới đến giao đường số 17, phường Quyết Thắng	B	TP Lai Châu	2021-2025	NQ 135/NQ-HĐND ngày 16.12.2020	140.000	126.000	126.000		
5	Nâng cấp tuyến đường từ ngã năm Cư Nhà La đến khu đối 5 giao với Dải lộ Lê Lợi	C	TP Lai Châu	2022-2024		14.000	14.000	14.000		
*	<i>Lĩnh vực Văn hóa giáo dục</i>					<i>16.500</i>	<i>13.798</i>	<i>13.798</i>		
6	Nhà văn hóa tổ dân phố số 9		P. Quyết Thắng	2.022		500	500	500		
7	Trạm y tế xã San Thàng	C	X. San Thàng	2023-2024		6.000	5.798	5.798	Lồng ghép vốn XD CB tập trung	
B-II-5	Điện trường mầm non - Tiểu học bản Sung Phái, xã Sung Phái	C	X. Sung Phái	2021-2023	NQ 135/NQ-HĐND ngày 16.12.2020	0	1.800	1.800	Lồng ghép vốn XD CB tập trung, XSKT	
8	Nhà lớp học Trường THCS Đông Phong	C	P. Đông Phong	2021-2022	NQ 135/NQ-HĐND ngày 16.12.2020	10.000	5.700	5.700	Lồng ghép vốn XD CB tập trung	
-	<i>Dự phòng dành cho các công trình khẩn cấp; các công trình còn thiếu vốn sau quyết toán và một số nhiệm vụ quan trọng khác)</i>						<i>2.040</i>	<i>2.040</i>		
II	<i>Nguồn xây dựng cơ bản tập trung và các nguồn vốn hợp pháp khác</i>					<i>88.200</i>	<i>88.352</i>	<i>88.352</i>		
1	Nâng cấp, sửa chữa kênh từ đường tránh chợ San Thàng đến bản Thành Công	C	X. San Thàng	2.024		3.500	3.500	3.500		
2	Nâng cấp kênh từ cầu Gia Khẩu II đến kênh Lùng Thàng, xã San Thàng	C	X. San Thàng	2023-2025		10.500	10.500	10.500		
B-I-7	Trạm y tế xã San Thàng	C	X. San Thàng	2023-2024		202	202	202	Lồng ghép vốn thu SĐĐ	
*	<i>Lĩnh vực giáo dục đào tạo</i>					<i>74.200</i>	<i>74.150</i>	<i>74.150</i>		



Leahy

STT	Danh mục công trình dự án	Dự án nhóm	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư công trình hạn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
							Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
B.II-8	Nhà lớp học Trường THCS Đông Phong	C	P. Đông Phong	2021-2022	NQ 135/NQ-HĐND ngày 16.12.2020	14.000	4.300		4.300	Lồng ghép vốn thu SDD
3	Trường Tiểu học - THCS Sùng Phái	C	X. Sùng Phái	2021-2023	NQ 135/NQ-HĐND ngày 16.12.2020	19.000	17.100		17.100	
4	Điểm trường mầm non - Tiểu học bản Sùng Phái, xã Sùng Phái	C	X. Sùng Phái	2021-2023	NQ 135/NQ-HĐND ngày 16.12.2020	12.000	9.550		9.550	Lồng ghép vốn thu SDD, XSKT
5	Nhà lớp học và nhà hiệu bộ trường Tiểu học Kim Đông	C	P. Đông Phong	2023-2025		14.000	14.000		14.000	
6	Nhà lớp học bộ môn THCS Quyết Tiến	C	P. Quyết Tiến	2023-2024		7.300	7.300		7.300	
7	Nhà lớp học bộ môn trường Tiểu học - THCS Nậm Lông	C	Xã Sùng Phái	2024-2025		7.500	7.500		7.500	
8	Nhà đa năng trường THCS Đông Phong	C	P. Đông Phong	2.025		4.800	4.800		4.800	
9	Nhà đa năng trường THCS Tân Phong	C	P. Tân Phong	2024-2025		4.800	4.800		4.800	
10	Nhà đa năng trường THCS Quyết Tiến	C	P. Quyết Tiến	2024-2025		4.800	4.800		4.800	
III	Nguồn thu xổ số kiến thiết thực hiện nhiệm vụ thuộc CTMTQG XDNTM					650	650		650	
*	Lĩnh vực giáo dục					650			650	
B.II-5	Điểm trường mầm non - Tiểu học bản Sùng Phái, xã Sùng Phái	C	X. Sùng Phái	2021-2023		650	650		650	Lồng ghép vốn XDGB tập trung, thu SDD

lcc/g

